TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ HUOAI** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày: 23-02-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Ông Trịnh Văn Hà

- Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Anh Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Phùng Ngọc Thanh T (tên gọi khác: không có) – sinh năm: 1987; Tại: tỉnh Đồng Nai;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Thợ hàn; Trình độ học vấn: 07/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông B, sinh năm: 1959 và bà B, sinh năm 1963;

Bị cáo có vợ tên là Trương Thị V, sinh năm 1986;

Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27/5/2005 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng theo bản án số 24/2005/HSST ngày 27/5/2005 về tội "trộm cắp tài sản".

- Ngày 28/6/2006 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử 01 năm 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt của hai bản án bị cáo

phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 04 tháng tù theo bản án số 391/2006/HSST ngày 28/6/2006 về tội "trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và án phí của hai bản án.

Bị cáo Phùng Ngọc Thanh T đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 01/12/2020 (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Anh Ngô Văn M – sinh năm: 1981

Trú tại: Số D M, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 01/12/2020, bị cáo Phùng Ngọc Thanh T đứng ở ngã ba 16 thuộc huyện Đ, tỉnh Đồng Nai bắt xe tải chạy dọc đường quốc lộ 20 để đi lên thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày thì T lên tới ngã ba thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và xuống xe ngồi chờ có xe tải nào đi qua để xin đi nhờ, chờ đến 17 giờ 20 phút cùng ngày thì T thấy xe ô tô tải biển số 49C-078.52, nhãn hiệu ISUZU, loại 15 tấn do anh Ngô Văn M, sinh năm: 1981, hộ khẩu thường trú: Số D M, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng làm tài xế chạy ngang qua ngã ba thị trấn M nên T vẫy xe tải xin đi nhờ và anh M đã cho T đi nhờ. Khi lên xe chỉ có T và anh M trên xe tải, T ngồi bên ghế phụ trên ca bin xe. Sau đó, anh M điều khiển xe chạy theo quốc lộ 20 hướng lên thành phố Đ. Khi đi đến khu vực thuộc tổ dân phố A, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì xe của anh M bị lực lượng tuần tra Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lâm Đồng kiểm tra hành chính nên anh M đã dừng lại và mang giấy tờ xe xuống làm việc với lực lượng Cảnh sát giao thông. Trong lúc đó chỉ còn một mình T ngồi trên ca bin xe ô tô tải biển số 49C-078.52, lợi dụng lúc không còn ai trên xe T phát hiện phía sau ghế ngồi của tài xế có nhiều cọc tiền được cột bằng dây thun bó thành cọc. Sau đó, T đã lấy một cọc tiền có mệnh giá là 20.000đ (hai mươi ngàn đồng) rồi nhét cất cọc tiền trên vào bên trong chiếc quần lót (quần xì) mà T đang mặc trên người. Sau khi quan sát thấy anh M vẫn chưa quay lại T tiếp tục lấy thêm một cọc tiền có mệnh giá là 20.000đ (hai mươi ngàn đồng) và một cọc tiền có mệnh giá là 50.000đ (năm mươi ngàn đồng) rồi nhét những cọc tiền vào bên trong chiếc quần lót (quần xì) mà T đang mặc trên người. Một lúc sau thì anh M quay lại và lên xe đi tiếp lên hướng thành phố Đ. Khi đi tới đoạn đầu đèo chuối thuộc tổ dân phố A, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì T xin xuống xe nên anh M tấp xe vào lề cho T xuống, T xuống xe đi bộ được một đoạn anh M phát hiện mất tiền nên dừng xe vào lề đường rồi xuống xe đuổi theo giữ T lại và có đơn trình báo sự việc với cơ quan công an huyện Đ.

Tại Cơ quan điều tra công an huyện Đ, Phùng Ngọc Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Tài sản tạm giữ trên người T gồm 02 cọc tiền có mệnh giá là 20.000đ (hai mươi ngàn đồng) có tổng là 100 tờ, tổng số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng); 01 cọc tiền có mệnh giá là 50.000đ (năm mươi ngàn đồng) có tổng là 99 tờ, tổng số tiền là 4.950.000đ (bốn triều chín trăm năm

mươi ngàn đồng). Như vậy, tổng số tiền mà Phùng Ngọc Thanh T lén lút, bí mất lấy trộm của anh Ngô Văn M là 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị hại anh Ngô Văn M, sinh năm 1981, nơi cư trú: Số D M, phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng bị Phùng Ngọc Thanh T lấy trộm 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) đã có đơn yêu cầu Cơ quan Công an huyện Đ điều tra, xử lý đối tượng đã trộm cắp tài sản của anh M và đã có văn bản đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS-ĐH ngày 03 tháng 02 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Phùng Ngọc Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo Phùng Ngọc Thanh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo Phùng Ngọc Thanh T đã thành khẩn khai nhận về hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo có thái độ ăn năn, hối lỗi về hành vi mà mình đã gây ra. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phùng Ngọc Thanh T từ 12 đến 15 tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo T.

- Về vật chứng vụ án: Số tiền là 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) gồm: 02 cọc tiền có mệnh giá là 20.000đ (hai mươi ngàn đồng) có tổng là 100 tờ, tổng số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng); 01 cọc tiền có mệnh giá là 50.000đ (năm mươi ngàn đồng) có tổng là 99 tờ, tổng số tiền là 4.950.000đ (bốn triều chín trăm năm mươi ngàn đồng). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu tài sản trên nên đề nghị không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì bị hại là anh Ngô Văn M đã nhận lại tài sản thuộc sở hữu của mình số tiền là 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng), anh M có đơn không yêu cầu Phùng Ngọc Thanh T phải bồi thường gì về dân sự nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Buộc bị cáo Phùng Ngọc Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Phùng Ngọc Thanh T đồng ý với bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì khác.

Đại diện viện kiểm sát không tranh luận gì thêm.

Bị cáo Phùng Ngọc Thanh T nói lời sau cùng: "Bị cáo xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, của Kiểm sát viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại anh Ngô Văn M vắng mặt không có lý do nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và không có yêu cầu gì nên xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo Phùng Ngọc Thanh T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với biên bản xác định hiện trường, biên bản giữ người khẩn cấp, biên bản tạm giữ tài liệu, phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện tội phạm do đó có căn cứ xác định:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 13 giờ ngày 01/12/2020 bị cáo Phùng Ngọc Thanh T bắt xe tải chạy dọc đường quốc lộ 20 để đi lên thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày thì T lên tới ngã ba thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và xuống xe ngồi chờ đến 17 giờ 20 phút cùng ngày thì T thấy xe ô tô tải biển số 49C-078.52 do anh Ngô Văn M điều khiển chạy ngang qua ngã ba thị trấn M nên T vẫy xe tải xin đi nhờ và anh M đã cho T đi nhờ. Khi xe ô tô do anh M điều khiển đi đến khu vực thuộc tổ dân phố A, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì anh M xuống làm việc với lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lâm Đồng. Lợi dụng khi anh M không có mặt trên xe ô tô tải biển số 49C-078.52 nên Phùng Ngọc Thanh T đã lén lút, bí mật lấy trộm của anh Ngô Văn M số tiền là: 6.950.000đ (Sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Hành vi lén lút, bí mật trộm cắp tài sản của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phùng Ngọc Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bị cáo là thanh

niên, có sức khỏe nhưng lười lao động thích hưởng thụ, khi không có tiền tiêu xài đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp tài sản, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng theo bản án số 24/2005/HSST ngày 27/5/2005 về tội "trộm cắp tài sản" và bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử 01 năm 04 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt của hai bản án bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 4 tháng tù theo bản án số 391/2006/HSST ngày 28/6/2006 về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và án phí của hai bản án nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội nên cần có một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra bị hại cũng đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo Phùng Ngọc Thanh T không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Phùng Ngọc Thanh T là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Theo hồ sơ thể hiện bị hại anh Ngô Văn M đã nhận lại tài sản thuộc sở hữu của mình số tiền là 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng), anh M có đơn không yêu cầu Phùng Ngọc Thanh T phải bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm bồi thường thiệt hại là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đã được giải quyết tại giai đoạn điều tra là đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Phùng Ngọc Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm của vụ án là có cơ sở và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phùng Ngọc Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Ngọc Thanh T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 01/12/2020).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Phùng Ngọc Thanh T.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phùng Ngọc Thanh T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng*;*
- VKSND, CA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ

Đinh Xuân Trường